

Số: 08 /2023/QĐ-UBND

Long An, ngày 09 tháng 02 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định định mức chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Long An

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;*

*Căn cứ Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Long An;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 438/TTr-STC ngày 01 tháng 02 năm 2023.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Quy định định mức chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Long An. Cụ thể như sau:

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định định mức chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Long An.

#### 2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Long An.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Long An.

### 3. Nguồn kinh phí

a) Nguồn ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

### 4. Nội dung chi cho các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### 5. Định mức chi cho các nội dung trong các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

Định mức chi có tính chất đặc thù, được bảo đảm từ ngân sách nhà nước cho một số nội dung trong các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được quy định cụ thể như sau:

Nội dung chi	Mức chi (Đơn vị tính: đồng)		
	Nghị Quyết của HĐND, Quyết định của UBND cấp tỉnh	Nghị Quyết của HĐND, Quyết định của UBND cấp huyện	Nghị Quyết của HĐND, Quyết định của UBND cấp xã
<b>a) Chi soạn thảo đề cương chi tiết dự thảo văn bản</b>			
- Nghị quyết của HĐND			
Mới hoặc thay thế	1.000.000/ đề cương	800.000/ đề cương	620.000/ đề cương
Sửa đổi, bổ sung	700.000/ đề cương	560.000/ đề cương	420.000/ đề cương
- Quyết định của UBND			
Mới hoặc thay thế	950.000/ đề cương	760.000/ đề cương	580.000/ đề cương
Sửa đổi, bổ sung	650.000/ đề cương	520.000/ đề cương	390.000/ đề cương
<b>b) Chi soạn thảo văn bản</b>			
- Nghị quyết của HĐND			

Mới hoặc thay thế	220.000/ trang A4, nhưng không quá 3.500.000 / dự thảo	200.000/ trang A4, nhưng không quá 2.700.000/ dự thảo	180.000/ trang A4, nhưng không quá 1.700.000/ dự thảo
Sửa đổi, bổ sung	200.000/ trang A4, nhưng không quá 3.000.000/ dự thảo	180.000/ trang A4, nhưng không quá 2.100.000/ dự thảo	160.000/ trang A4, nhưng không quá 1.250.000/ dự thảo
- Quyết định của UBND			
Mới hoặc thay thế	200.000/ trang A4, nhưng không quá 3.500.000/ dự thảo	180.000/ trang A4, nhưng không quá 2.600.000/ dự thảo	160.000/ trang A4, nhưng không quá 1.600.000/ dự thảo
Sửa đổi, bổ sung	180.000/ trang A4, nhưng không quá 3.000.000/ dự thảo	160.000/ trang A4, nhưng không quá 2.100.000/ dự thảo	140.000/ trang A4, nhưng không quá 1.250.000/ dự thảo
<b>c) Chi soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng văn bản và hoàn thiện văn bản</b>			
- Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: Đối với dự thảo văn bản mới hoặc thay thế: 3.000.000 đồng / tờ trình Đối với dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung: 2.000.000 đồng / tờ trình			
- Báo cáo tổng hợp, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý			
Đối với dự thảo văn bản mới hoặc thay thế	650.000 đồng/báo cáo	520.000 đồng/báo cáo	390.000 đồng/báo cáo
Đối với dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung:	450.000 đồng/báo cáo	350.000 đồng/báo cáo	270.000 đồng/báo cáo
- Báo cáo nhận xét, đánh giá của người phản biện, thành viên hội đồng thẩm định, báo cáo tham luận			
Đối với dự thảo văn bản mới hoặc thay thế	380.000 đồng/báo cáo	300.000 đồng/báo cáo	230.000 đồng/báo cáo
Đối với dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung	220.000 đồng/báo cáo	160.000 đồng/báo cáo	110.000 đồng/báo cáo
- Báo cáo đánh giá tác động của chính sách	6.500.000 đồng/báo cáo	5.200.000 đồng/báo cáo	3.900.000 đồng/báo cáo
- Báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo (nếu trong dự án, dự thảo có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới).	2.000.000 đồng/báo cáo	1.600.000 đồng /báo cáo	1.200.000 đồng /báo cáo

- Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản (nếu trong dự án, dự thảo có quy định thủ tục hành chính).	2.000.000 đồng/báo cáo	1.600.000 đồng /báo cáo	1.200.000 đồng /báo cáo
- Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	4.000.000 đồng/báo cáo	3.200.000 đồng /báo cáo	2.400.000 đồng /báo cáo
- Báo cáo kinh nghiệm nước ngoài liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.	3.000.000 đồng/báo cáo	2.400.000 đồng /báo cáo	1.800.000 đồng /báo cáo
- Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật.			
Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề.	5.500.000 đồng/báo cáo	4.400.0000 đồng/báo cáo	3.300.0000 đồng/báo cáo
Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật đột xuất.	3.300.000 đồng/báo cáo	2.600.000 đồng/báo cáo	2.000.000 đồng/báo cáo
Báo cáo tình hình xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật.	3.300.000 đồng/báo cáo		
Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật của UBND tỉnh gửi Bộ Tư pháp.		3.700.000 đồng/ báo cáo	
Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật do UBND cấp huyện gửi UBND cấp tỉnh.		1.900.000 đồng/ báo cáo	

Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật do UBND cấp xã gửi UBND cấp huyện.	1.000.000 đồng/ báo cáo		
<b>d) Chi soạn thảo văn bản góp ý; báo cáo thẩm định, thẩm tra văn bản của cơ quan thẩm định, thẩm tra</b>			
- Văn bản góp ý	270.000 đồng/ văn bản	220.000 đồng/ văn bản	160.000 đồng/ văn bản
- Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	750.000 đồng/ báo cáo		
- Báo cáo thẩm định, thẩm tra đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân	750.000 đồng/báo cáo	600.000 đồng/ báo cáo	450.000 đồng/ báo cáo
<b>đ) Chi chỉnh lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, tờ trình văn bản, dự thảo văn bản</b>	300.000/ lần chỉnh lý	240.000/ lần chỉnh lý	180.000/ lần chỉnh lý
<b>e) Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị và họp báo</b>			
- Tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị phục vụ công tác xây dựng dự kiến chương trình, soạn thảo, đánh giá tác động, góp ý, thẩm định, thẩm tra văn bản; điều tra, khảo sát; theo dõi, đánh giá về tình hình thi hành pháp luật:			
Chủ trì	150.000 đồng/ người/ cuộc họp	100.000 đồng/ người/ cuộc họp	70.000 đồng/ người/ cuộc họp
Các thành viên tham dự	100.000 đồng/ người/ cuộc họp	70.000 đồng/ người/ cuộc họp	50.000 đồng/ người/ cuộc họp
Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự	220.000 đồng/ văn bản	160.000 đồng/ văn bản	110.000 đồng/ văn bản
- Tham dự cuộc họp báo công bố các văn bản quy			

phạm pháp luật đã được cấp có thẩm quyền ký ban hành			
Chủ trì	150.000 đồng/ người/ cuộc họp	100.000 đồng/ người/ cuộc họp	70.000 đồng/ người/ cuộc họp
Các thành viên tham dự	70.000 đồng/ người/ cuộc họp	50.000 đồng/ người/ cuộc họp	50.000 đồng/ người/ cuộc họp

g) Chi lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập

Trong trường hợp đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đề nghị, dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; tờ trình, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các báo cáo chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp phải lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia độc lập thì mức chi 1.500.000 đồng/văn bản.

h) Các nội dung và mức chi khác cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân chưa quy định tại Quyết định này, như: dịch và hiệu đính tài liệu, công tác phí, họp, hội nghị, tọa đàm, sơ kết, tổng kết, điều tra, khảo sát, điều tra xã hội học, lập hệ cơ sở dữ liệu, rà soát, hệ thống hóa, văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu, ... được áp dụng thực hiện theo các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

**6. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật**

a) Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật thực hiện trên cơ sở các hoạt động, nội dung chi, mức chi quy định tại khoản 4 và khoản 5 của Điều này và được thực hiện như sau:

Loại văn bản	Cấp ban hành	Định mức phân bổ (đồng/văn bản)
Nghị quyết của Hội đồng nhân dân ban hành mới hoặc thay thế	Cấp tỉnh	23.000.000
	Cấp huyện	14.000.000
	Cấp xã	9.000.000
Nghị quyết của Hội đồng nhân dân sửa đổi, bổ sung	Cấp tỉnh	18.400.000
	Cấp huyện	11.200.000
	Cấp xã	7.200.000
Quyết định của Ủy ban nhân dân ban hành mới hoặc thay thế	Cấp tỉnh	15.000.000
	Cấp huyện	9.000.000
	Cấp xã	7.000.000

Quyết định của Ủy ban nhân dân sửa đổi, bổ sung	Cấp tỉnh	12.000.000
	Cấp huyện	7.200.000
	Cấp xã	5.600.000

b) Ngoài định mức phân bổ kinh phí quy định tại điểm a khoản này, căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí, trong trường hợp cần thiết thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì sắp xếp, bố trí một khoản kinh phí từ nguồn ngân sách chi thường xuyên đã được giao để hỗ trợ cho việc thực hiện các hoạt động có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

## **Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp**

a) Đối với các nội dung chi, mức chi cho công tác xây dựng các Quyết định quy phạm pháp luật triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X tại kỳ họp thứ 8 thì tiếp tục áp dụng theo quy định tại Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh cho đến khi hoàn thành nhiệm vụ.

b) Đối với kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật năm 2023, các cơ quan, đơn vị, địa phương bố trí, sắp xếp trong phạm vi dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 đã được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện.

**Điều 3.** Giao Sở Tài chính phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, địa phương tổ chức triển khai thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 02 năm 2023 và thay thế Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Long An.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như điều 4;
  - Bộ Tài chính;
  - Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
  - TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
  - CT, các PCT.UBND tỉnh;
  - Công thông tin điện tử tỉnh;
  - Phòng KTTC + CTHĐND;
  - Lưu: VT, Dưng.
- QĐ-STC-MUC CHI CÂY DUNG VB QPPL

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Minh Lâm**

*(Handwritten mark)*